

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2010/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định các nguyên tắc, nguồn vốn, tiêu chí và định mức phân bổ ổn định vốn đầu tư phát triển bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2011 - 2015

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP, ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định 60/2010/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn Ngân sách Nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND, ngày 08/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Đề án phân bổ ổn định vốn đầu tư phát triển bổ sung từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2011-2015; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND, ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành, thông qua Quy định các nguyên tắc, nguồn vốn, tiêu chí và định mức phân bổ ổn định vốn đầu tư phát triển bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

1. Nguyên tắc và cơ cấu phân bổ các nguồn vốn:

1.1. Nguyên tắc phân bổ:

- Cân đối vốn đầu tư phát triển phải bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2011-2015 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 15 và theo đúng cơ cấu được Trung ương giao.

- Ưu tiên đầu tư cho các huyện đặc biệt khó khăn, biên giới, khu vực đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ để đẩy nhanh tốc độ phát triển, giảm sự chênh lệch giữa các vùng. Bố trí nguồn lực đầu tư để thực hiện các chính sách phát triển theo Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư để từng bước phát huy vai trò hạt nhân kinh tế, văn hóa xã hội của các thị xã, thành phố.

- Đảm bảo cơ cấu đầu tư hợp lý giữa lĩnh vực kinh tế - xã hội, phù hợp giữa các địa phương trong tỉnh theo các tiêu chí có tính đại diện cao như diện tích, dân số, trình độ phát triển,

- Yêu cầu xác định các tiêu chí phân bổ:

+ Đại diện cho đặc điểm cơ bản về điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của các huyện, thị xã, thành phố.

+ Thể hiện được các định hướng về phát triển kinh tế - xã hội và các mục tiêu ưu tiên của tỉnh.

+ Khuyến khích sử dụng hiệu quả vốn đầu tư từ Ngân sách nhà nước (NSNN) và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB).

1.2. Thời gian thực hiện:

Ổn định hệ số phân bổ nguồn vốn trong thời gian 5 năm từ 2011-2015.

Trường hợp các đơn vị có sự phân chia địa giới hành chính và thành lập đơn vị hành chính cấp huyện thì hệ số phân bổ cho từng đơn vị sẽ được xác định lại.

1.3. Cơ cấu phân bổ:

a. Nguồn vốn xây dựng cơ bản trong cân đối của ngân sách tỉnh (không tính nguồn thu tiền sử dụng đất):

- Phân bổ ổn định cho ngân sách cấp huyện quản lý 60%.

- Ngân sách tỉnh quản lý 40%.

b. Nguồn Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu và các nguồn vốn khác: Ngân sách tỉnh quản lý 100%.

2. Xác định tiêu chí, định mức phân bổ:

2.1. Các tiêu chí phân bổ:

a. Tiêu chí dân số chung, gồm 2 tiêu chí: Tổng dân số và tỷ lệ người dân tộc thiểu số so với dân số.

b. Tiêu chí về trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo.

c. Tiêu chí diện tích tự nhiên của các huyện, thành phố.

d. Tiêu chí về đơn vị hành chính, bao gồm 3 tiêu chí: Số đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã); số xã đặc biệt khó khăn; số buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

e. Tiêu chí thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm phát triển các vùng trọng điểm và các vùng còn khó khăn của tỉnh:

+ Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội các huyện biên giới (Buôn Đôn, Ea Súp).

+ Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội các huyện nghèo (Buôn Đôn, Ea Súp, Lắk, Krông Bông, M'Drắk).

+ Nghị quyết về phát triển các đô thị trung tâm (thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột);

+ Đầu tư cho huyện mới thành lập (Krông Búk, Cư Kuin).

2.2. Xác định mức điểm của từng tiêu chí cụ thể:

a) *Tiêu chí dân số chung:*

- Tổng dân số trung bình năm 2009:

Tổng dân số	Điểm
5.000 người	1

- Tỷ lệ dân tộc thiểu số so tổng dân số năm 2009.

Tỷ lệ Dân tộc thiểu số so tổng dân số	Điểm
5%	1

b) *Tiêu chí về trình độ phát triển:* Tính bằng tỷ lệ hộ nghèo năm 2009 (theo chuẩn năm 2005)

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
10%	1

c) *Tiêu chí diện tích tự nhiên:*

Diện tích tự nhiên	Điểm
Dưới 200 km ²	5
Từ 200 đến dưới 500 km ² , cứ tăng 100 km ² được cộng thêm	0,3
Từ 500 đến dưới 1.000km ² , cứ tăng 100 km ² được cộng thêm	0,2
Từ 1.000 km ² trở lên, cứ tăng 100 km ² được cộng thêm	0,1

d) *Tiêu chí về đơn vị hành chính*, bao gồm: Số đơn vị hành chính cấp xã, số xã đặc biệt khó khăn; số buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã theo số liệu cuối năm 2009

Số đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
5 đơn vị trở xuống	3

Từ đơn vị thứ 6 đến thứ 10 mỗi đơn vị tính thêm	0,5
Từ đơn vị thứ 11 trở lên mỗi đơn vị tính thêm	0,3

- Tiêu chí xã đặc biệt khó khăn tính theo số xã thuộc diện được hưởng Chương trình 135 giai đoạn II.

Xã đặc biệt khó khăn	Điểm
1 xã	0,5

- Tiêu chí số buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ theo số liệu năm 2009

Số buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	Điểm
5 buôn	3
Từ buôn thứ 6 trở lên mỗi buôn tính thêm	0,1

*. Tiêu chí đơn vị hành chính sẽ được xác định bổ sung phù hợp nếu trong giai đoạn 2011-2015 có sự chia tách, thành lập mới đơn vị hành chính

e) Tiêu chí thực hiện theo các Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội các huyện biên giới và huyện nghèo:

Huyện biên giới, huyện nghèo	Điểm
Huyện biên giới + huyện nghèo	35
Huyện nghèo	30

- Nghị quyết về phát triển các đô thị trung tâm (thị xã, thành phố):

Đô thị trung tâm	Điểm
Thành phố, thị xã	10

- Đầu tư cho huyện mới thành lập:

Huyện mới thành lập	Điểm
Huyện mới thành lập	10

2.3. Xác định mức vốn của từng huyện, thị xã, thành phố:

a) Điểm phân bổ theo tiêu chí:

- Điểm của tiêu chí dân số:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số của huyện thứ i là A_i ;

+ Gọi số điểm của dân số chung huyện thứ i là h_i ;

+ Gọi số điểm của tỷ lệ người dân tộc thiểu số huyện thứ i là k_i .

Điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i sẽ là: $A_i = h_i + k_i$.

- Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

Gọi số điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện thứ i là B_i .

- *Điểm của tiêu chí diện tích tự nhiên:*

Gọi số điểm tiêu chí diện tích tự nhiên của huyện thứ i là C_i .

- *Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính:*

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã huyện thứ i là x_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí xã đặc biệt khó khăn huyện thứ i là r_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí số buôn đồng bào dân tộc thiểu số huyện thứ i là f_i ;

Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i là D_i :

$$D_i = x_i + r_i + f_i$$

- *Điểm của tiêu chí khác:*

+ Gọi số điểm của tiêu chí huyện biên giới + nghèo là E ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí huyện nghèo là G ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí các đô thị trung tâm (TX, TP) là M

+ Gọi số điểm của huyện mới thành lập là T

Tổng số điểm của huyện thứ i là u_i :

$$u_i = A_i + B_i + C_i + D_i + E + G + M + T$$

- *Tổng số điểm của 15 huyện, thành phố là y , ta có:*

$$y = \sum_{i=1}^{15} u_i$$

b) *Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ:*

Gọi v là tổng số vốn trong cân đối bổ sung cho ngân sách cấp huyện (60% số vốn trong cân đối của ngân sách tỉnh không tính tiền sử dụng đất).

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{v}{y}$$

c) *Tổng số vốn trong cân đối của từng huyện, thị xã, thành phố:*

Gọi V_i là số vốn trong cân đối của huyện thứ i .

$$V_i = Z \times u_i$$

3. Phân cấp đối tượng đầu tư của các nguồn vốn và nguyên tắc quản lý:

3.1. Đối tượng đầu tư:

a. Phần vốn đầu tư bổ sung ổn định theo tiêu chí, định mức cho cấp huyện:

- Các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố do cấp huyện quyết định đầu tư trong kế hoạch hàng năm theo Luật Ngân sách (100% ngân sách huyện).

- Bố trí theo cơ cấu đầu tư các công trình do tỉnh quyết định đầu tư trong kế hoạch hàng năm, có cơ cấu vốn đầu tư của ngân sách cấp huyện theo quy định.

b. Phần vốn đầu tư ngân sách tỉnh quản lý tập trung:

- Các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do các sở, Ban, ngành làm chủ đầu tư.

- Bố trí theo cơ cấu đầu tư các công trình được tỉnh chấp thuận cho các huyện đầu tư theo kế hoạch hàng năm của cấp huyện, có cơ cấu vốn đầu tư của ngân sách tỉnh theo quy định.

- Các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh quyết định đầu tư theo kế hoạch hàng năm, giao Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư.

- Đối ứng vốn cho các công trình, dự án theo yêu cầu của Trung ương.

- Chuyển vốn thành lập các Quỹ của tỉnh.

- Trả nợ ngân sách tỉnh vay, tạm ứng vốn xây dựng cơ bản từ ngân sách Trung ương.

- Bố trí cho các dự án, công trình theo chương trình, dự án mục tiêu được Trung ương hỗ trợ.

- Các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án 5 triệu ha rừng v.v....

- Các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh.

- Bổ sung hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

3.2. Nguyên tắc quản lý đầu tư phần vốn đầu tư bổ sung ổn định theo tiêu chí, định mức cho cấp huyện:

- Bố trí đầu tư các dự án, công trình xây dựng cơ bản đúng đối tượng đầu tư đã nêu ở điểm 1, mục III.

- Đầu tư để hoàn thành dự án nhóm C không quá 3 năm, nhóm B không quá 5 năm. Tổng mức vốn của tất cả các dự án, công trình được bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm của mỗi huyện, thị xã, thành phố (phần cơ cấu vốn do huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm bố trí cho dự án, công trình – bao gồm cả phần vốn còn thiếu của các công trình thuộc kế hoạch năm trước chuyển sang) không được vượt quá 3 lần số vốn được tỉnh bổ sung hàng năm.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp;

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết số 11/2008/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc quy định các nguyên tắc, nguồn vốn, tiêu chí và định mức phân bổ ổn định vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố trong 02 năm 2009 - 2010 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Niê Thuật